

# TRAO ĐỔI



## Bạn đọc thân mến,

Trước tiên, Bản tin ĐHQGHN xin trân trọng cảm ơn bạn đọc xa gần đã gửi thư góp ý, đóng viên, nhận xét về hình thức và nội dung của tờ báo trong thời gian vừa qua. Trong thời gian tới, Bản tin sẽ tiếp tục nâng cao hơn nữa cả về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng được nhiệm vụ của Ban Giám đốc ĐHQGHN giao cũng như kỳ vọng của các bạn đọc.

Nhân dịp này, Bản tin xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc, ý kiến trao đổi của PGS.TS Hà Quang Thụy, Phó hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN.

Kính gửi Ban biên tập Bản tin ĐHQGHN,

Trong thời gian vừa qua, chúng tôi nhận được thường kỳ các số Bản tin của ĐHQGHN. Chúng tôi rất vui mừng là Bản tin đã có nhiều tiến bộ cả về hình thức và nội dung. Tôi vừa nhận được Bản tin ĐHQGHN số 209 (2008), trong đó có bài viết "Cần "tiêu chuẩn ISO" cho khoa học Việt Nam" của TSKH. Phạm Đức Chính (Viện Cơ học). TSKH. Phạm Đức Chính đã trao đổi nội dung này trên một số tạp chí, diễn đàn. Việc bản thảo về công bố khoa học quốc tế của Việt Nam còn rất ít và tìm nguyên nhân cũng như giải pháp khắc phục tình trạng đó là điều hết sức cần thiết. Với định hướng như thế, tôi đồng tình với tiêu đề bài viết của tác giả. Tuy nhiên, ví dụ về một Tiến sỹ Trung Quốc trẻ tài năng, công bố nhiều bài báo quốc tế chất lượng cao được nhận ngay chức danh Giáo sư ở Viện Vật lý sau đó ba năm bị chấm dứt hợp đồng (Trang 28, cột trái, các dòng 24 – 43) được đặt trong mối liên hệ với "tiêu chuẩn sách" hoặc "tiêu chuẩn thâm niên" chưa thật thuyết phục. Mặt khác, tôi có cảm giác là bài viết đã quá chú trọng tới một số biểu hiện hạn chế trong khâu quản lý khoa học – công nghệ, mà theo quan điểm cá nhân, tôi cho rằng cách viết như vậy là chưa toàn diện, dễ đưa người đọc tới một cách nhìn phiến diện. Đứng là khâu quản lý của chúng ta còn có nhiều yếu kém và cần phải được cải tiến, song nguyên nhân làm cho các nhà khoa học của chúng ta chưa có nhiều công bố quốc tế không phải là chỉ ở đó hoặc không phải chủ yếu là ở đó.

Theo tôi, một trong những nguyên nhân không kém phần quan trọng chưa có nhiều công bố quốc tế là nền kinh tế của chúng ta "**Các doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam là lớn so với các doanh nghiệp khác ở Việt Nam, nhưng so với quốc tế thì giống các doanh nghiệp vừa và nhỏ hơn**"<sup>1</sup>, vì vậy các đơn đặt hàng từ doanh nghiệp tới nhà khoa học là rất ít ỏi, không tạo được nền tảng vật chất và tinh thần để có được nhiều công trình khoa học chuẩn mực quốc tế. Không thể đòi hỏi nước Việt Nam ta với chỉ số kinh tế tri thức hạng 96 thế giới năm 2007 (Nguồn: [http://siteresources.worldbank.org/INTUNIKAM/Resources/KAM\\_v4.pdf](http://siteresources.worldbank.org/INTUNIKAM/Resources/KAM_v4.pdf)) ngay lập tức chỉ số đánh giá khoa học phải được cải tiến đáng kể so với hạng 69 thế giới (69 là hạng theo chỉ số khoa học H-index giai đoạn 1996-2007 của Việt Nam). Hơn nữa, nhìn nhận một cách khách quan hơn thì hiện nay không ít nhà khoa học trong nước đang vượt qua khó khăn để phấn đấu tăng công bố khoa học quốc tế có chất lượng. Theo tôi đây là cách làm tích cực nhất. Nhân vừa qua, GS. Nguyễn Phú Thùy và GS. Nguyễn Hữu Đức thuộc Trường Đại học Công nghệ (ĐHQGHN) nhận được chúng nhận chỉ số H-index cao, tôi xin gửi một số số liệu liên quan tới H-index dưới đây nhằm cung cấp thêm thông tin. Dù rằng lớp các độ đo H-index do Jorge E. Hirsch khởi thủy năm 2005 hiện được nhiều tổ chức khoa học quốc tế sử dụng như một chỉ số đánh giá tiên tiến<sup>2</sup> song chúng tôi cũng xin lưu ý rằng mọi chỉ số đánh giá về khoa học không bao giờ mang tính tuyệt đối hóa.

1- Scott Cheshire và Jago Penrose (2007). Top 200: Chiến lược công nghiệp của các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, UNDP Việt Nam, 01/10/2007, [http://www.undp.org.vn/undplive/digitalAssets/717891\\_Top200\\_v.pdf](http://www.undp.org.vn/undplive/digitalAssets/717891_Top200_v.pdf)

2 - Lutz Bornmann, Rüdiger Mutz, Hans-Dieter Daniel (2008). Are there Better Indices for Evaluation Purposes than the h Index? A Comparison of Nine Different Variants of the h Index Using Data from Biomedicine, Journal of the American Society for Information Science and Technology (JASIST), 59(5):001–008, 2008

# MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ CÔNG BỐ KHOA HỌC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1996 - 2007

(Nguồn: SCImago Research Group, <http://www.scimagojr.com/countrysearch.php?country=VN>)

Số lượng các công trình khoa học được công bố quốc tế của Việt Nam giai đoạn 1996 - 2007 là 5872.

## > SỐ LƯỢNG BÀI BÁO CÔNG BỐ QUỐC TẾ QUA 12 NĂM CỦA VIỆT NAM THEO TỪNG NĂM, TỪNG LĨNH VỰC

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
<b>TỔNG SỐ LĨNH VỰC</b>	282	315	289	343	349	331	341	577	608	721	830	886
Agricultural and Biological Sciences	49	64	75	70	73	66	65	113	111	157	164	171
Arts and Humanities	-	-	-	-	1	-	1	-	1	-	4	1
Biochemistry, Genetics and Molecular Biology	16	30	29	30	27	24	30	48	60	75	86	84
Business, Management & Accounting	-	-	3	4	1	2	3	5	3	7	9	7
Chemical Engineering	2	5	7	7	4	4	7	7	13	17	13	15
Chemistry	24	28	26	35	33	28	18	39	43	60	51	57
Computer Science	5	8	6	13	-	8	6	13	20	21	52	52
Decision Sciences	7	12	4	9	4	13	9	10	10	17	15	24
Dentistry	-	2	1	-	3	-	-	1	-	-	2	-
Earth and Planetary Sciences	13	19	15	12	23	24	12	25	34	36	32	49
Economics, Econometrics and Finance	-	1	-	3	-	3	7	3	4	5	10	7
Energy	10	3	5	3	5	3	1	9	1	14	6	8
Engineering	14	29	16	32	25	21	28	41	78	78	57	61
Environmental Science	15	18	15	15	22	25	22	30	40	60	58	76
Health Professions	4	-	-	1	2	4	2	2	7	2	6	4
Immunology and Microbiology	22	26	38	38	31	23	32	54	71	79	82	116
Materials Science	26	15	26	28	22	28	20	64	37	31	52	59
Mathematics	59	52	41	47	47	53	56	66	71	91	109	105
Medicine	65	56	59	75	75	57	65	124	128	175	206	207
Multidisciplinary	1	1	-	-	-	2	-	-	3	3	7	6
Neuroscience	5	1	1	4	6	2	2	-	2	1	6	3
Nursing	1	-	-	-	1	2	10	2	1	5	3	7
Pharmacology, toxicology and Pharmaceutics	14	14	21	21	22	14	10	18	29	37	35	27
Physics and Astronomy	51	66	45	53	68	64	55	130	91	79	115	131
Psychology	1	-	2	3	5	-	5	3	5	5	2	4
Social Sciences	10	5	11	12	6	14	35	23	33	38	45	36
Veterinary	3	1	4	8	11	11	11	9	10	14	23	21

## > CHỈ SỐ H-INDEX GIAI ĐOẠN 1996 - 2007 CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

Thứ hạng	Nước	Số bài báo	Số bài báo được trích dẫn	Số lần trích dẫn	Số lần tự trích dẫn	Số trích dẫn /Bài báo	Chỉ số H index
1	Hoa Kỳ	3.872.452	3.639.512	54.818.003	26.786.119	14,45	889
2	Anh Quốc	1.101.302	1.003.630	12.762.128	3.303.391	12,34	535
3	Nhật Bản	1.098.902	1.076.272	9.068.209	2.991.900	8,49	421
4	Đức	1.009.736	959.527	10.782.310	3.058.806	11,27	468
5	Trung Quốc	960.669	955.118	2.363.808	1.170.867	3,66	189
6	Pháp	729.133	692.100	7.461.900	1.849.838	10,75	431
14	Hàn Quốc	263.401	259.696	1.390.466	348.788	6,66	188
41	Thái Lan	33.205	32.421	165.523	31.364	6,64	97
49	Mã Lai	21.034	20.469	72.952	13.493	4,72	68
64	Indonesia	7.728	7.580	46.433	5.477	6,8	61
67	Philippines	6.474	6.320	46.141	6.404	7,90	67
69	Việt Nam	5.872	5.757	35.428	5.137	7,45	62